

Số: 25/BC-MNDHK

Quận Lê Chân, ngày 03 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
Năm học: 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Trường mầm non Dư Hàng Kênh

2. Địa chỉ

- Điểm trường 1 (Trụ sở chính): Số 79 Dân Lập, Phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Điểm trường 2: Số 569 Chợ Hàng, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Địa chỉ thư điện tử: mamnonduhangkenh1@pgdlechan.edu.vn

- Trang thông tin điện tử: mnduhangkenh.haiphong.edu.vn

3. Loại hình: Là trường Công lập. Cơ quan quản lý trực tiếp UBND quận Lê Chân.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Sứ mạng: Tạo dựng được một môi trường giáo dục thân thiện, có nền nếp, "Xây dựng trường mầm non Hạnh Phúc - Tôn trọng quyền trẻ em", có chất lượng giáo dục cao để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân và phát triển một cách toàn diện. Xây dựng trường học có tính kỉ luật lao động cao, biết yêu thương hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

- Tầm nhìn: Trường mầm non Dư Hàng Kênh luôn phấn đấu là một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả, có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại. Là nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào học tập, trẻ có những kỹ năng cơ bản để học lên ở cấp tiểu học. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên cống hiến nhiệt huyết và học sinh luôn có khát vọng vươn lên khẳng định bản thân, có những kỹ năng cơ bản để phục vụ cuộc sống.

- Mục tiêu của cơ sở giáo dục: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng phát triển năng lực và phẩm chất cá nhân của trẻ; từng bước tiếp cận với nền

giáo dục tiên tiến, hiện đại và hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của nhà trường, giữ vững danh hiệu trường tiên tiến, phấn đấu danh hiệu trường tiên tiến xuất sắc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường mầm non Dư Hàng Kênh nằm trên địa bàn phường Dư Hàng Kênh. Địa chỉ số 79 Đường Dân Lập và 569 Chợ Hàng Trường được xây dựng từ năm 1978 và chuyển qua các tên trường như Trường Mầm non Dân lập Dư Hàng Kênh, Trường Mầm non Bán Công Dư Hàng Kênh, đến năm 2008 trường tách thành Trường Mầm non Dư Hàng Kênh I và Trường Mầm non Dư Hàng Kênh II. Tháng 7 năm 2023 trường sáp nhập Trường mầm non Dư Hàng Kênh II vào Trường Mầm non Dư Hàng Kênh I và lấy tên là **Trường mầm non Dư Hàng Kênh**.

6. Thông tin người đại diện:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Len
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 79 Dân lập, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0983.125.939
- Thư điện tử: nguyenlenhp1972@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND quận Lê Chân về việc sáp nhập trường Mầm non Dư Hàng Kênh II vào trường Mầm non Dư Hàng Kênh I và đổi tên thành Trường Mầm non Dư Hàng Kênh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

- Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND quận Lê Chân về việc thành lập Hội đồng trường Mầm non Dư Hàng Kênh Nhiệm kỳ 2023-2026.

- Quyết định Số 260/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND quận Lê Chân về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Mầm non Dư Hàng Kênh Nhiệm kỳ 2024-2026.

- Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND quận Lê Chân về việc Kiện toàn Hội đồng trường Trường Mầm non Dư Hàng Kênh.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

1. Bà: Nguyễn Thị Len - Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường;

2. Bà: Vũ Thị Lan - Chủ tịch công đoàn - Phó hiệu trưởng;
3. Bà: Đoàn Thị Phượng - Phó bí thư chi bộ - Phó hiệu trưởng;
4. Bà: Lê Thị Thanh Chi - Phó chủ tịch công đoàn - Phó hiệu trưởng;
5. Bà: Bùi Thị Thanh Dương - Bí thư đoàn thanh niên - Giáo viên;
6. Bà: Trần Thị Thu Giang - Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn khối 5 tuổi;
7. Bà: Trần Thị Thanh Hương - Kế toán - Đại diện tổ văn phòng;
8. Bà: Trần Thị Hòa - Cán bộ văn hóa - Đại diện chính quyền địa phương;
9. Bà: Nguyễn Thị Thuỳ Dương - Đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

- Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND quận Lê Chân về việc bổ nhiệm có thời hạn Hiệu trưởng trường Mầm non Dư Hàng Kênh;

- Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND quận Lê Chân về việc bổ nhiệm có thời hạn Hiệu trưởng trường Mầm non Dư Hàng Kênh;

- Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND quận Lê Chân về việc bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Dư Hàng Kênh;

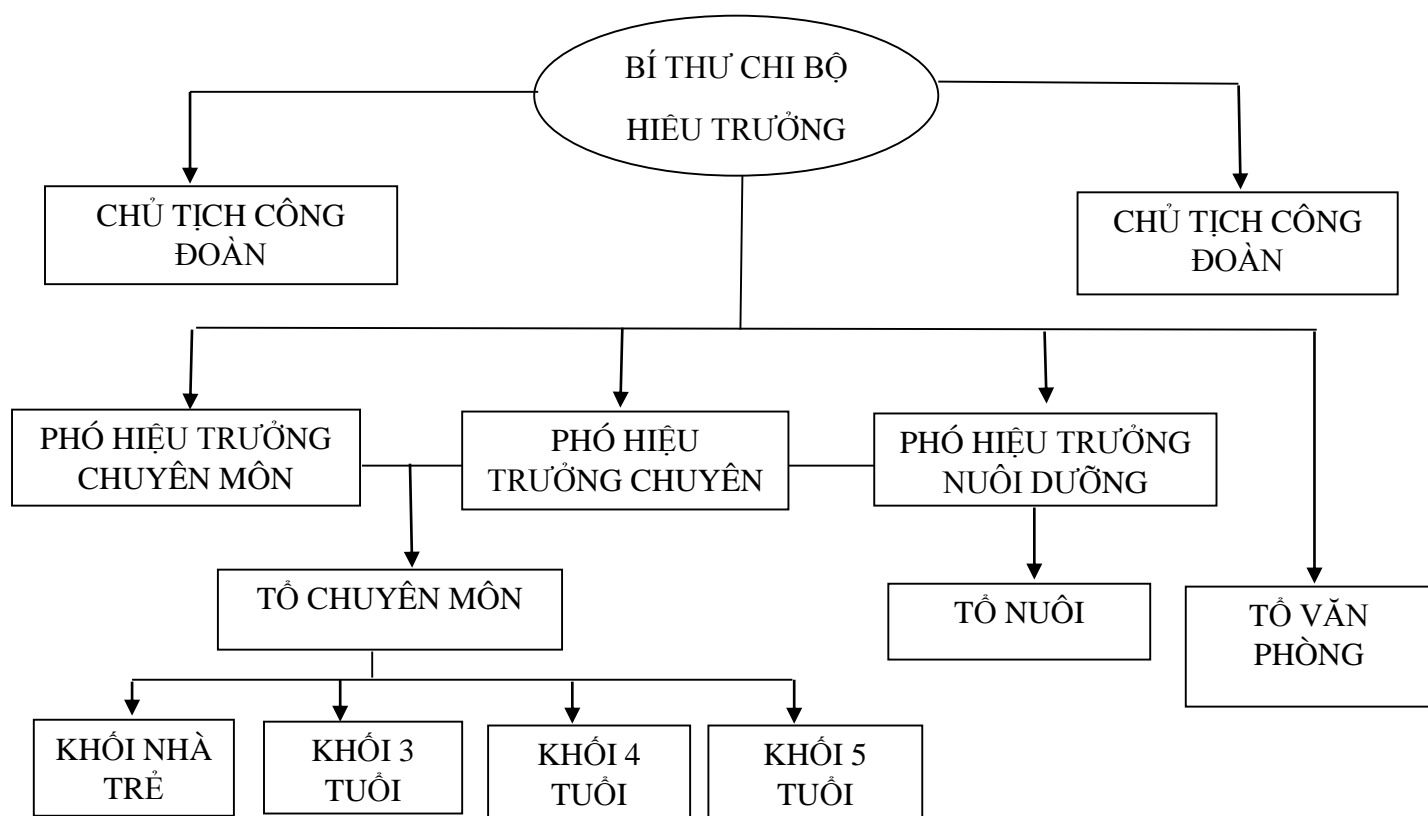
- Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND quận Lê Chân về việc bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Dư Hàng Kênh.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

Tổ chức quản lý hành chính trong nhà trường đảm bảo thực hiện đúng qui chế hành chính Nhà nước và Điều lệ trường mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành. Mạng lưới tổ chức nhà trường đầy đủ, đồng bộ (Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng và các tổ chuyên môn) thực hiện có hiệu quả cao từ Hiệu trưởng, P. Hiệu trưởng đến tổ chuyên môn, toàn bộ thành viên trong Hội đồng sư phạm nhà trường và các đoàn thể theo dõi, kiểm tra, xử lý các sự việc nhân sự nhằm đảm bảo các hoạt động đi vào nề nếp, thực hiện ngày giờ công, sinh hoạt, chuyên môn, hội họp sinh hoạt đoàn thể... theo qui định của Nhà nước, của Ngành, của trường đề ra.

- Thực hiện phân cấp quản lý theo hướng tăng cường chủ động cho các tổ chuyên môn trong trường.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị, trực thuộc, thành viên (nếu có)

Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND quận Lê Chân về việc sáp nhập trường Mầm non Dư Hàng Kênh II vào trường Mầm non Dư Hàng Kênh I và đổi tên thành Trường Mầm non Dư Hàng Kênh.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có)

- Họ và tên: Nguyễn Thị Len

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- địa chỉ nơi làm việc: Số 79 Dân lập, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Số điện thoại: 0983.125.939

- Thư điện tử: nguyenlenhp1972@gmail.com.

8. Chiến lược phát triển

Nhà trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, Ban giám hiệu có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động, bảo đảm quy chế dân chủ trong trường mầm non. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, thống nhất và có trách nhiệm cao trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Đội

III	Nhân viên	20	0	1	2	12	5							20	100
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	1	0							1	100
2	Nhân viên kế toán	1	0	1	0	0	0							1	100
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0							0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0							0	0
5	Nhân viên nấu ăn	13	0	0	2	11	0							13	100
6	Nhân viên khác (lao công, bảo vệ)	5	0	0	0	0	5							5	100

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	36	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	19	-
1	Phòng học kiên cố	19	1.6m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.129.9 m ²	3.5m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	165 m ²	0.85m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	986 m ²	1.6m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	286 m ²	0.48m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	660 m ²	1.08m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	0	0
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	168m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	596	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	570	0.93 bộ/cháu

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	26	0.04 bộ/cháu	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	Số bộ/sân chơi (trường)	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	30 máy vi tính, 30 máy in; 19 ti vi; 1 bộ máy chiếu; 1 bộ hợp trực tuyến; 1 bộ loa đài phục vụ ngày Hội, lễ; 1 bộ loa đài ca hát giờ đón trả trẻ.	19 bộ máy tính, máy in/19 lớp.	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)	
1	Camera quan sát (lớp, bếp, hành lang,sân)	64	19	
2	Điều hòa	50	42/36 lớp	
3	Bộ hợp trực tuyến (hội trường)	1 bộ		
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	06	19	19
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0	0
			Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x	
XIV	Kết nối internet		x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục		x	
XVI	Tường rào xây		x	
XVII	Hệ thống báo cháy		x	
XVIII	Điểm tập kết rác và phân loại rác		x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng;

1.1.1.Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					

Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	-	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	-	
Tiêu chí 1.8		x	x	-	
Tiêu chí 1.9		x	x	-	
Tiêu chí 1.10		x	x	-	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		X	X	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	-	
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x	

2.1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4	x		
Tiêu chí 5	x		
Tiêu chí 6	x		

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 3.

2. Đánh giá chung

2.1. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, Ban giám hiệu có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động,

bảo đảm quy chế dân chủ trong trường mầm non. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, thống nhất và có trách nhiệm cao trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Đội ngũ CBGVNV yêu nghề mến trẻ, thái độ gần gũi, thân thiện, có ý thức tự bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được quản lý một cách hiệu quả, khoa học. Công tác quản lý chất lượng, kiểm tra, đánh giá trẻ đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ luôn được duy trì và nâng cao. Bộ phận chuyên môn tích cực nghiên cứu và tham mưu được các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục giúp trẻ được phát triển toàn diện. Đa số trẻ khỏe mạnh, đoàn kết thân thiện với bạn bè, có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường xung quanh, có nề nếp thói quen phù hợp với độ tuổi. Nhà trường luôn được sự quan tâm của UBND quận đầu tư sửa chữa các hạng mục như phòng học, phòng chức năng, sân, vườn...; Hàng năm trường đầu tư mua sắm, bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn, hiện đại và đã xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện, xanh - sạch - đẹp, thường xuyên rà soát sửa chữa đảm bảo phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ.

2.2 Hạn chế

- Nhà trường đang thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non cho trẻ nhưng việc tiếp cận những chương trình hiện đại của nước tiên tiến, tiếp cận Stem để bổ trợ và phát triển chương trình giáo dục mầm non còn hạn chế;

- Cơ sở vật chất khang trang, sạch, đẹp nhưng một số hạng mục để đáp ứng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, các trang thiết bị hiện đại để hỗ trợ thực hiện chương trình bổ trợ còn thiếu (đặc biệt là phòng học).

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa có.

2.3. Nguyên nhân của hạn chế

- Do tỉ lệ tuyển sinh vượt cao so với Điều lệ trường mầm non, sức hút của nhà trường lớp và dân số độ tuổi đông.

- Một số giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm.

- Tiếp cận được chương trình giáo dục mầm non tiên tiến, giáo dục Stem còn chậm.

3. Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a. Mục tiêu

Mục tiêu đến năm 2030 cải tiến điểm yếu duy trì đạt kiểm định chất lượng mức độ 3.

b. Kế hoạch

*** Năm học: 2025-2026**

- Nâng chuẩn trình độ sư phạm cho đội ngũ giáo viên trẻ.
- Bổ sung máy tính cho các lớp.
- Tổ chức chăm sóc giáo dục theo chương trình mầm non tiên tiến, giáo dục Steam.

- Thay mới hệ thống thang tời, hệ thống mái hiên di động sân trường CS1;
- Sửa chữa sàn của 1 số lớp học ...

*** Năm học: 2026-2027**

- Nâng chuẩn trình độ sư phạm cho đội ngũ giáo viên trẻ.
- Bổ sung máy tính cho các lớp.
- Tổ chức chăm sóc giáo dục theo chương trình mầm non tiên tiến, giáo dục Steam.

*** Năm học: 2027-2028**

- Nâng chuẩn trình độ sư phạm cho đội ngũ giáo viên trẻ.
- Bổ sung cơ sở vật chất trang thiết bị các lớp

*** Năm học: 2028-2029**

- Cải tạo sân vườn
- Đầu tư bổ sung cơ sở vật chất thiết bị hoạt động ngoài trời.

*** Năm học: 2029-2030**

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết còn thiếu tại các lớp
- Đầu tư các trang thiết bị Bếp, các phòng chức năng.

c. Giải pháp

*** Giải pháp về công tác chỉ đạo, tuyên truyền**

- Tuyên truyền công tác xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, trường mầm non hạnh phúc,... tại bảng tin, website.

*** Giải pháp về chính sách (Nguồn kinh phí)**

- Ngân sách đầu tư xây dựng của UBND quận Lê Chân;
- Vận động các cá nhân, tổ chức ủng hộ xã hội hóa giáo dục.

*** Giải pháp kiểm tra, giám sát**

Định kỳ ban thanh tra nhân dân tổ chức kiểm tra giám sát các hoạt động của nhà trường.

d. Tổ chức thực hiện

*** Ban Giám hiệu**

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân; thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện của các bộ phận để tổng hợp khen thưởng và báo

cáo với cấp trên.

*** Cán bộ giáo viên, nhân viên**

- Có trách nhiệm xây dựng khối đoàn kết trong nhà trường, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công.

- Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên và nhân viên: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, lớp về đưa nội dung theo từng năm học...theo nhiệm vụ cụ thể; tham gia kiểm tra, đánh giá báo cáo công việc.

*** Các tổ chức đoàn thể**

- Có trách nhiệm vận động khích lệ cán bộ, đoàn viên thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch của nhà trường đề ra.

- Công đoàn: Xây dựng kế hoạch phối hợp với chuyên môn tổ chức tốt các phong trào thi đua, vận động đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Chi đoàn thanh niên: Đăng ký thi đua trong các hoạt động thi đua của nhà trường, ngành, tham gia tuyên truyền công tác xây dựng trường chuẩn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học 2024-2025

Tổng số trẻ: 607 Tổng số lớp: 19 lớp.

Số trẻ em tính bình quân /lớp: 33 trẻ/lớp. Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 607 cháu.

Số trẻ em được ăn bán trú: 607 cháu.

Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kì: 607 cháu.

Kết quả PCGD cho trẻ e tuổi:

Tổng số trẻ trong độ tuổi phải huy động: 833 trẻ; khuyết tật: 0 (trong đó số trẻ đến trường lớp: 681/833 đạt 81.75%).

Tổng số trẻ em 5 tuổi trên địa bàn: 290 trẻ; khuyết tật: 0, nữ: 144;

Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường lớp: 290/290 trẻ (đạt 100%).

Tỉ lệ trẻ 5 tuổi (sinh năm 2019) hoàn thành chương trình GDMN: 290/290 (=100%).

Huy động trẻ mẫu giáo: 305/320 (đạt 95,3%).

Huy động trẻ nhà trẻ (24-36 tháng): 83/108 (đạt 76,8%).

Huy động trẻ nhà trẻ (0-36 tháng): đạt 86/222 (đạt 38,7%).

Đánh giá theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP : Đạt.

Số trẻ em khuyết tật: 0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang :	13.862.860
1.2	Mức thu : tháng	203.000
1.3	Tổng số thu trong năm:	1.059.660.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	1.073.522.860
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
1.6	Số chi trong năm :	1.073.522.860
	Trong đó: - Bổ sung chi lương:	1.073.522.860
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất:	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn:	
	- Chi khác: ...	
1.7	Số dư cuối năm:	0
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1	Thêm giờ:	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang:	98 025 762
2.1.2	Mức thu	
2.1.3	Tổng số thu trong năm:	1.782.000.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.880.025.762
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.880.025.762
2.1.6	Số chi trong năm:	1.880.025.762
	Trong đó: - Chi giáo viên	1.447.619.836
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo:	338.404.637
	- Chi nhân viên :	56.400.772
	- Nộp thuế	37.600.517
2.1.7	Số dư cuối năm:	0

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	...	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm:	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: -	
	-	
	-	
3.1.6	Số dư cuối năm	
	
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1	Dịch vụ: Trông giữ xe	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	30 686 750
4.1.2	Mức thu (xe máy : 50.000đ/tháng, xe đạp: 30.000đ/tháng)	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	18 180 000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	220 000 000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	238 180 000
4.1.6	Số chi trong năm	238 180 000
	Trong đó: - Chi lương	166.726.000
	- Chi quản lý	23 818 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi thuế	23 818 000
4.1.7	Số dư cuối năm	0
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang:	41.629.000
5.1.2	Mức thu : tháng	240.000
5.1.3	Tổng số thu trong năm:	388.800.000
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	430.429.000

5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	430.429.000
5.1.6	Số chi trong năm;	430.429.000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy tại TT	322.821.750
	- Chi giáo viên	43.042.900
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo:	43.042.900
	- Chi CSVC	12.912.870
	- Chi thuế:	8.608.580
5.1.7	Số dư cuối năm:	0
5.1	Toán tư duy	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang:	3 856 000
5.1.2	Mức thu : tháng	160.000
5.1.3	Tổng số thu trong năm:	230.400.000
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	234.256.000
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	234.256.000
5.1.6	Số chi trong năm;	234.256.000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy tại TT	163.979.200
	- Chi giáo viên	23.425.600
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo:	23.425.600
	- Chi CSVC	14.055.360
	- Chi thuế:	4.685.120
5.1.7	Số dư cuối năm:	0
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
6.1	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu ...	
6.1.3	Tổng thu	
6.1.4	Đã chi	
6.1.5	Dư	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	

	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng Anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:	

2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên:	10.755.156.000
	Chi thanh toán cá nhân:	9.466.057.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn :	649.000.000
	Chi mua sắm sửa chữa:	640.099.000
	Chi khác:	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên:	200.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	200.000.000
	Chi khác:	
II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm):	340.050.000
	Mức bình quân (đ/người/năm):	285.070.000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm):	230.090.000
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm):	225.050.000
	Mức bình quân (đ/người/năm):	177.25.000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm):	130.600.000
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Thực hiện tốt việc vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, VSATTP, phòng

chống dịch bệnh và chống nóng cho trẻ. Duy trì việc ký hợp đồng mua thực phẩm sạch, an toàn như trong năm học. Thực hiện nghiêm túc việc giám sát giao nhận thực phẩm. Không có dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm xảy ra trong nhà trường.

- 100% trẻ, CBGVNV làm hồ đảm bảo an toàn tuyệt đối.
- CBGVNV tích cực thực hiện công tác an ninh an toàn trường học.
- Rà soát cải tiến tiêu chí kiểm định chất lượng.
- CBGV đăng ký học bồi dưỡng chuyển đổi số.... Hình thức học trực tuyến.
- Nhà trường khuyến khích CBGVNV tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề như: Tham gia các khóa học đại học và sau đại học, cắm tỉa hoa, quả; tin học cơ bản, tin học nâng cao, tiếng Anh giao tiếp...

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Mầm non Dư hàng Kênh./.

Nơi nhận:

- UBND, Phòng GD&ĐT quận Lê Chân;
- Các bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Len

